

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH QUẢNG NINH

--- * ---

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Đức

2. Ông Đỗ Đình Thế

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

-Ngày 30/9/2022 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã A đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/8/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa:

-Nguyên đơn: anh **Vũ Văn B** sinh năm 1975

Nơi thường trú: thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

-Bị đơn: chị **Phạm Thị Đ** sinh năm 1982

Nơi thường trú: thôn C, xã D, thị xã A, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn anh Vũ Văn B trình bày: anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị Đ tự nguyện tìm hiểu và tự kết hôn với nhau vào năm 1998 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên hai người không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, hiện tại hai người đã ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế, anh B thấy không còn

tình cảm vợ chồng với chị Đ nên đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Phạm Thị Đ là vợ chồng.

-*Về con chung*: anh B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (hai) con chung là Vũ Ngọc E, sinh năm 2000 và Vũ Ánh G, sinh ngày 13/11/2008. Quan điểm của anh B cháu Vũ Ngọc E đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Vũ Ánh G chưa thành niên thì chị Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

-*Về tài sản chung và công nợ chung*: anh B xác nhận anh và chị Đ tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị thừa nhận quá trình tìm hiểu và kết hôn như anh B trình bày là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, hiện tại hai người đã ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh B nên chị cũng đồng ý với quan điểm của anh B, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Vũ Văn B là vợ chồng.

-*Về con chung*: Chị Đ xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (hai) con chung là Vũ Ngọc E, sinh năm 2000 và Vũ Ánh G, sinh ngày 13/11/2008. Quan điểm của chị Đ cháu Vũ Ngọc E đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Vũ Ánh G chưa thành niên thì chị Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

-*Về tài sản chung và công nợ chung*: chị Đ xác nhận chị và anh B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Tại các biên bản xác minh ngày 20/9/2022 đại diện UBND xã D cung cấp như sau*: anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị Đ kết hôn với nhau từ năm 1998 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại địa phương, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhau, do đó năm 2009 chị Đ đã bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo quy định.

-*Về con chung*: Hai đương sự có 02 (hai) con chung là Vũ Ngọc E, sinh năm 2000 và Vũ Ánh G, sinh ngày 13/11/2008. Quan điểm của chính quyền đề nghị tòa

án căn cứ vào pháp luật giải quyết việc nuôi con chung cho phù hợp với điều kiện của đương sự.

-Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

+ Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của anh Vũ Văn B. Xử không công nhận là vợ chồng giữa anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị Đ.

-Về con chung: Giao con chung Vũ Ánh G, sinh ngày 13/11/2008 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố Tụng: Ngày 15/8/2022, người khởi kiện là anh Vũ Văn B nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 17/8/2022 Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện đề ngày 03/8/2022, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28; Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: chị Phạm Thị Đ và anh Vũ Văn B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1998, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên hai người không đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, trầm trọng nhất vào năm 2009 chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai người đã ly thân nhau từ năm 2009 không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế, chị Đ và anh B thấy

không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án xử không công nhận họ là vợ chồng.

- Qua các tài liệu chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị Đ và anh Vũ Văn B đã quá trầm trọng, căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn. Vì thế, chị Đ và anh B thấy không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án xử không công nhận hai người là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 14,15- Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng của anh Vũ Văn B.

[3] **Về con chung:** Trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (hai) con chung là Vũ Ngọc E, sinh năm 2000 và Vũ Ánh G, sinh ngày 13/11/2008. Các đương sự thỏa thuận con chung Vũ Ngọc E đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Con chung Vũ Ánh G chưa trưởng thành chị Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 81,82 và 83- Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung và công nợ chung:** Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí:** Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh B phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 57- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng của anh Vũ Văn B.

Xử: Tuyên bố không công nhận anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị Đ vợ chồng.

2. Về án phí: anh Vũ Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp

dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010700 ngày 17/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A. Anh B còn phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho đương sự biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận

- TAND; VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND; THADS thị xã A
- Các đương sự.
- UBND xã D;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

